

Số: **190** /TTr-UBND

Quảng Trị, ngày 16 tháng 11 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**Ban hành Nghị quyết nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VIII, Kỳ họp thứ 6

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương (NSDP) năm 2022, ổn định đến năm 2025 như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước năm 2015,

Tại điểm a khoản 9 Điều 31 quy định: UBND cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan tài chính địa phương chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan giúp UBND tỉnh lập và trình HĐND tỉnh quyết định các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 30 của Luật này; Tại điểm e khoản 9 Điều 30 quy định: HĐND tỉnh có trách nhiệm "*Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương*".

Khoản 2 Điều 4 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 quy định: "*Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các quy định ban hành kèm theo Quyết định này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ để Quốc hội quyết định. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước để làm căn cứ xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách ở địa phương năm 2022, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới; đồng thời gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.*"

Từ những lý do trên, cần thiết phải xây dựng Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2022, ổn định đến năm 2025 để thay thế định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2017 ban hành tại Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung; được kéo dài sang năm 2021 theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh, làm căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ dự toán cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh, quyết định số bổ sung cân



đổi từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố; góp phần tăng cường hiệu quả quản lý, nâng cao tính minh bạch trong phân bổ, giao dự toán NSNN.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục tiêu**

- Phân bổ chi thường xuyên, đảm bảo các sở, ban, ngành, địa phương có đủ nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, các chế độ an sinh xã hội theo lĩnh vực, địa bàn theo phân cấp hiện hành.

- Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2022 là cơ sở để phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP giữa ngân sách tỉnh với ngân sách từng huyện, thành phố, thị xã năm 2022, là cơ sở để lập dự toán chi cho các lĩnh vực sự nghiệp và chi quản lý hành chính cho các cơ quan Đảng, nhà nước, đoàn thể cấp tỉnh năm 2022 và các năm tiếp theo.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả NSNN.

### **2. Quan điểm**

- Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Phù hợp yêu cầu thực hiện cơ cấu lại chi NSNN gắn với nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công và cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017<sup>1</sup>, số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017<sup>2</sup> và số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018<sup>3</sup> của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII); tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi đầu tư phát triển.

- Phù hợp với khả năng cân đối NSDP; kế thừa những mặt tích cực của định mức chi thường xuyên NSDP năm 2017 tại Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung của HĐND tỉnh; có sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với yêu cầu của giai đoạn 2022-2025.

- Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP đơn giản, đảm bảo công bằng, dễ thực hiện và kiểm tra.

- Đảm bảo thực hiện các mục tiêu, giải pháp quan trọng về tài chính, NSNN theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Tăng tính chủ động, gắn liền với yêu cầu trách nhiệm trong quản lý NSNN của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện quy định của Luật NSNN; kế hoạch tổ chức các kỳ họp năm 2021 của HĐND tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021-2026; Chương trình công tác trọng tâm năm 2021 của UBND tỉnh;

<sup>1</sup> Về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

<sup>2</sup> Về tiếp tục đổi mới HT tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNNCL

<sup>3</sup> Về cải cách chính sách tiền lương đối với CBCC, VC LLVT và người lao động trong doanh nghiệp

Ngày 06/4/2021, Sở Tài chính đã có Công văn số 894/STC-QLNS gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị và địa phương phối hợp đánh giá phân cấp, định mức chi thường xuyên 2017-2020 và đề xuất phương án phân cấp, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025.

Trên cơ sở đánh giá, đề xuất của các cơ quan, đơn vị và địa phương, Sở Tài chính dự thảo Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2022 tỉnh Quảng Trị gửi lấy ý kiến các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã theo đúng trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh (Công văn số 3696/STC-QLNS ngày 08/10/2021 của Sở Tài chính); đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị để lấy ý kiến. Kết quả đã có 22 cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến có văn bản tham gia ý kiến.

Trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan và địa phương và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 564/BTC-STC ngày 12/11/2021; Sở Tài chính tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2022, ổn định đến năm 2025; báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh ban hành.

#### **IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết, gồm 2 phần:**

- Dự thảo Nghị quyết.
- Dự thảo Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025 (kèm theo Nghị quyết).

##### **2. Kết cấu và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

- Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2022, ổn định đến năm 2025.
- Điều 2. Tổ chức thực hiện
- Điều 3. Hiệu lực thi hành

##### **3. Kết cấu và các nội dung chủ yếu của dự thảo Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2022**

Dự thảo gồm có 13 Điều quy định các nội dung:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước
- Điều 3. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể
- Điều 4. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo
- Điều 5. Phân bổ dự toán chi các đơn vị sự nghiệp công lập
- Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ



- Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội
- Điều 8. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh
- Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế
- Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường
- Điều 11. Định mức phân bổ chi khác
- Điều 12. Dự phòng ngân sách
- Điều 13. Một số quy định khác

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2022, ổn định đến năm 2025, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét thông qua./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính
- Lưu: VT, TM.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Hưng**



**BÁO CÁO THUYẾT MINH XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ  
DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**  
(Kèm theo Tờ trình số **490**/TTr-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh)

**Phần thứ nhất**  
**PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ  
PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN**

**I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật NSNN và Nghị quyết của Quốc hội.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị dự toán cấp tỉnh.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên NSDP.

**II. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN  
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của từng cơ quan, đơn vị; dự toán chi ngân sách của các huyện, thành phố, thị xã (bao gồm cấp huyện và cấp xã).

2. Phù hợp với phân cấp quản lý ngân sách, khả năng cân đối ngân sách năm 2022 và cả giai đoạn ổn định ngân sách mới; đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách hiện hành. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính; từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại thu, chi ngân sách, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và nhiệm vụ chính trị của từng sở, ban, ngành và địa phương.

3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương và tỉnh ban hành đến thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết này. Đảm bảo chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ với mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng. Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước<sup>1</sup>. Ngân sách tỉnh hỗ trợ đối với các địa phương sau khi đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương theo quy định để thực hiện mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện. Trường hợp địa phương bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, thì địa phương phải chủ động sử dụng dự toán ngân sách địa phương, bao gồm cả dự

<sup>1</sup> Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.



phòng... theo quy định, để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ cho ngân sách địa phương.

4. Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương làm cơ sở phân bổ dự toán cho các cơ quan, đơn vị và huyện, thành phố, thị xã được xác định trên cơ sở biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính Phủ) tại thời điểm xây dựng dự toán. Trong đó:

- Đối với quỹ tiền lương khỏi huyện ngoài các chế độ, chính sách theo quy định, đã tính toán đảm bảo kinh phí thực hiện Nghị quyết số 111/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh quy định thời gian, mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, các huyện, thành phố, thị xã sử dụng kinh phí trong định mức và ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện chính sách trên địa bàn.

- Định mức phân bổ trên theo quỹ tiền lương không gồm trợ cấp lần đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Định mức phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên (chi khác) tính theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao không bao gồm quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương. Chi xây dựng định mức chi khác (chi hoạt động có tính chất thường xuyên) của một biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho từng loại hình cơ quan, đơn vị (biên chế quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể; biên chế sự nghiệp và hội đặc thù; lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ).

6. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025 chưa tính trừ nguồn thực hiện cải cách tiền lương của các cấp ngân sách, các đơn vị theo quy định (bao gồm cả nguồn cải cách tiền lương còn dư của các năm trước). Các năm trong thời kỳ ổn định, nếu có phát sinh tăng, giảm nhiệm vụ thì ngân sách tỉnh bổ sung hoặc thu hồi kinh phí đã bố trí theo định mức ban hành.

7. Đối với các lĩnh vực sự nghiệp:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Trong đó:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ, trừ kinh phí nhà nước đặt hàng, đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ theo quy định. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.



- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Thực hiện khoản chi ngân sách hỗ trợ giai đoạn 2022-2025 và yêu cầu giảm tối thiểu 15% so với giai đoạn 2017-2021. Đồng thời, yêu cầu dành nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương, ngân sách chỉ hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tối đa theo tỷ lệ ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập còn lại do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán thường xuyên. Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2017-2021 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm; đồng thời, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

- Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công; dành kinh phí để tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm sửa chữa và tăng chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại các lĩnh vực chi thường xuyên và từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước.

8. Tiêu chí phân bổ định mức rõ ràng, đơn giản, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, cải tiến và bổ sung, điều chỉnh tiêu chí ở một số lĩnh vực chi phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách. Đảm bảo các chỉ tiêu pháp lệnh Trung ương giao cho địa phương hàng năm như chi sự nghiệp giáo dục đào tạo, sự nghiệp môi trường, sự nghiệp khoa học.

## Phần thứ hai

### ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022, ỔN ĐỊNH ĐẾN NĂM 2025

#### I. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể

##### 1. Cấp tỉnh:

a) Định mức chi khác tính theo biên chế được giao:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
- Dưới 10 biên chế	19,0	22,8	1,20

- Từ 10 đến dưới 20 biên chế	18,3	22	1,20
- Từ 20 đến dưới 30 biên chế	17,7	21,2	1,20
- Từ 30 biên chế	17,2	20,6	1,20

- Định mức phân bổ đã bao gồm:

+ Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan (đã bao gồm chi khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan).

+ Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm (đã bao gồm chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý của ngành, lĩnh vực; chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động kiểm tra, giám sát).

+ Kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; sửa chữa thường xuyên tài sản.

- Định mức phân bổ không bao gồm:

+ Chi thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn đặc thù của từng ngành, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo cấp tỉnh; chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

+ Chi thuê trụ sở; chi sửa chữa lớn; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động chung theo quy định.

b) Đối với chi đảm bảo hoạt động của cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh: Dự toán chi ngân sách được tính toán trên cơ sở cơ sở định mức; chế độ, tiêu chuẩn và các nhiệm vụ chi đặc thù của các cơ quan này.

c) Các tổ chức chính trị - xã hội: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được áp dụng định mức phân bổ trên, trên cơ sở biên chế hiện có và các nhiệm vụ chi đặc thù của các cơ quan này để tính toán phân bổ dự toán ngân sách.

d) Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Các Hội đặc thù được Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế được hỗ trợ định mức chi khác tối đa bằng định mức chi của đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên theo số biên chế có mặt. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ từng năm phù hợp với khả năng ngân sách.

đ) Kinh phí thực hiện các chính sách, đề án của tỉnh; kinh phí tăng cường cơ sở vật chất; kinh phí hỗ trợ theo nhiệm vụ cho các cơ quan làm công tác tổng hợp; kinh phí đảm bảo các nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác bố trí theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm.



**2. Cấp huyện:**

a) Định mức chi khác tính theo biên chế được giao:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
- Các huyện đồng bằng	12,0	14,4	1,20
- Huyện Đakrông	14,0	16,8	1,20
- Huyện Hương Hóa	14,4	17,3	1,20
- Huyện đảo Côn Cỏ	20	24	1,20

Định mức phân bổ không bao gồm các khoản chi đặc thù theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

b) Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng biên chế ít (từ 03 người trở xuống) thì định mức phân bổ được tính thêm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
Cơ quan, đơn vị có số lượng biên chế ít (từ 03 người trở xuống) thì định mức phân bổ được tính thêm	3	4	1,33

**3. Cấp xã:**

a) Đối với cán bộ, công chức cấp xã:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
Định mức chi khác tính theo số lượng biên chế cán bộ, công chức cấp xã được giao	8,0	10,40	1,3

b) Hỗ trợ kinh phí đối với những người hoạt động không chuyên trách và kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, tổ dân phố:

- Định mức năm 2017: thực hiện theo Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người

hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố.

- Định mức năm 2022: thực hiện theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 21/04/2020 của HĐND tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp và phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố; quy định mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố.

c) Hỗ trợ kinh phí hoạt động:

- Kinh phí hoạt động Ủy ban Mặt trận TQVN cấp xã thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" theo quy định tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Trị.

- Kinh phí hoạt động Ban Thanh tra nhân dân cấp xã: 05 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

- Kinh phí giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã:

Đơn vị tính: triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	$4=3/2$
Hỗ trợ kinh phí giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã	5	10	2,0

+ Định mức năm 2017: thực hiện theo Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư (đảm bảo mức hỗ trợ kinh phí 05 triệu đồng/năm).

+ Định mức năm 2022: thực hiện theo Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư (đảm bảo mức hỗ trợ kinh phí 10 triệu đồng/năm). Tùy theo kế hoạch hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng hàng năm, các huyện, thành phố, thị xã và xã, phường, thị trấn quyết định tăng mức hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

**4. Ngoài định mức trên, các huyện, thành phố, thị xã; xã, phường thị trấn được phân bổ theo tiêu chí bổ sung:**

a) Ngoài định mức trên, các huyện, thành phố, thị xã được hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể (đã bao gồm kinh phí hoạt động cấp ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân theo nhiệm kỳ):

**\* Cấp huyện:**

Đơn vị tính: triệu đồng/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
- Thành phố	4.500	5.500	1,22



- Huyện Đakrông, Hướng Hóa	3.200	4.100	1,28
- Huyện đảo	2.000	2.400	1,20
- Thị xã, huyện còn lại	3.000	3.900	1,30

Định mức năm 2022 các địa phương tăng 1,1 lần so với định mức 2017 và tính thêm các khoản kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ bố trí ngoài định mức năm 2017 (hỗ trợ tăng bình quân cho các huyện, thành phố, thị xã là 610 triệu đồng/năm; riêng huyện đảo Côn Cỏ là 210 triệu đồng/năm), cụ thể: kinh phí tăng thêm hỗ trợ hoạt động của các chức danh do HĐND bầu và hỗ trợ trang cấp theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND; chế độ thăm hỏi đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện, phụ cấp kiêm nhiệm Chủ tịch, PCT Hội cựu chiến binh cơ quan theo TTLT 10/2007/BLĐTBXH-HCCBVN-BTC-BQP; phụ cấp dân quân tự vệ cơ quan theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP; sinh hoạt phí ủy viên UBMT theo QĐ số 33; trang cấp thanh tra; hỗ trợ kinh phí cộng tác viên dư luận xã hội theo HD 167-HD/BTGTW ngày 26/12/2015; ...

- Cấp xã:

Đơn vị tính: triệu đồng/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
- Chi hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã (tính trên/1 đại biểu)	4,50	8,5	1,89
- Kinh phí hoạt động cấp ủy, Ủy ban nhân dân và chi quản lý hành chính cấp xã			
+ Thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị	150	180	1,2
+ Huyện Đakrông, Hướng Hóa	110	132	1,2
+ Các huyện còn lại	100	120	1,2

+ Định mức hoạt động của HĐND cấp xã theo số lượng đại biểu năm 2022 tăng 1,1 lần so với định mức năm 2017 và tính thêm các khoản kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ bố trí ngoài định mức năm 2017: kinh phí tăng thêm hỗ trợ hoạt động của các chức danh do HĐND bầu và hỗ trợ trang cấp theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND; hỗ trợ chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu HĐND; hỗ trợ chế độ bảo hiểm đối với đại biểu không hưởng lương; ...

+ Kinh phí hoạt động cấp ủy, Ủy ban nhân dân và chi quản lý hành chính cấp xã tăng 1,2 lần so với định mức năm 2017.

**\* Định mức phân bổ trên đã bao gồm:**

- Chi hoạt động của cấp ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã theo nhiệm kỳ.

- Kinh phí thực hiện chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp theo Nghị quyết 02/2017/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Chi thực hiện một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của huyện ủy, thành ủy, thị ủy theo Quy định số 38-/QĐ-TU ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Tỉnh ủy Quảng Trị.

- Hỗ trợ chế độ thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp theo quy định.

- Hỗ trợ chi công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

- Kinh phí cộng tác viên dư luận xã hội theo HD 167-HD/BTGTW ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Chi hỗ trợ sinh hoạt phí đối với ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp theo Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chi các nội dung đặc thù của cấp huyện, cấp xã và kinh phí thực hiện các chế độ chính sách khác theo quy định hiện hành.

**\* Định mức phân bổ trên không bao gồm kinh phí thực hiện chế độ chính sách về thù lao, phụ cấp:**

- Hỗ trợ kinh phí thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các Hội có tính chất đặc thù được cấp có thẩm quyền công nhận.

- Hoạt động phí hàng tháng cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 Ngày 13 ngày 5 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII.

- Chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương.

- Chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với báo cáo viên theo Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW-BTGTW ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Ban Tổ chức Trung ương và Tuyên giáo Trung ương.

- Chế độ thù lao trách nhiệm tính theo nghề hàng tháng đối với một số chức danh theo Quy định số 33-QĐi/TU ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tỉnh ủy Quảng Trị về một số chế độ chi công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

- Chi bồi dưỡng cán bộ rà soát thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 07 năm 2017.

- Chi hỗ trợ hoạt động tiếp công dân theo Nghị quyết 33/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết 110/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 33/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2018.



b) Bổ sung thêm cho các huyện, thành phố, thị xã một phần để đảm bảo kinh phí hoạt động theo số lượng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn, cụ thể:

\* Định mức năm 2017:

- Số đơn vị hành chính cấp xã dưới 9 xã: 200 triệu đồng/năm.
- Số đơn vị hành chính cấp xã từ 9-15 xã: 400 triệu đồng/năm.
- Số đơn vị hành chính cấp xã trên 15 xã: 665 triệu đồng/năm.

\* Đề xuất định mức năm 2022 như sau:

- Số đơn vị hành chính cấp xã dưới 8: 300 triệu đồng/năm.
- Số đơn vị hành chính cấp xã từ 8-15: 450 triệu đồng/năm.
- Số đơn vị hành chính cấp xã trên 15: 665 triệu đồng/năm.

Điều chỉnh chỉ tiêu hỗ trợ thêm định mức cho cấp huyện theo số đơn vị hành chính cấp xã dưới 9 thành dưới 8 xã (huyện Cam Lộ sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giảm từ 9 xuống còn 8). Nâng tiêu chí định mức có số đơn vị hành chính cấp xã dưới 8 là: 300 triệu đồng/năm; từ 8-15: 450 triệu đồng/năm, lý do các địa phương tuy có địa bàn hành chính ít hơn nhưng các hoạt động chung trong công tác quản lý nhà nước cũng khá tương đồng, do đó sự điều chỉnh nhằm để đảm bảo sự phù hợp hơn trên cơ sở ý kiến tham gia của các địa phương.

## **II. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo**

### **1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục**

a) Định mức chi thường xuyên (chi khác):

- Căn cứ vào số biên chế được giao; phân bổ theo tỷ lệ giữa tổng quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương và chi khác để đảm bảo các hoạt động thường xuyên, cụ thể:

+ Định mức phân bổ theo tỷ lệ giữa tổng quỹ tiền lương, chi hoạt động thường xuyên đảm bảo theo nguyên tắc: tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 83% và tối thiểu 17% chi thường xuyên (chi khác) để chi hoạt động có tính chất thường xuyên cho công tác giảng dạy, học tập và các khoản chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên (chi khác theo lương cơ sở 1.490.000 đồng).

+ Định mức chi khác gồm các nội dung chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành giáo dục; chi hỗ trợ các trường đạt chuẩn quốc gia, chi duy trì công tác phổ cập giáo dục các cấp, chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực của ngành, các khoản chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên.

*(\*) Định mức chi khác sự nghiệp giáo dục năm 2017 phân bổ theo nguyên tắc tỷ lệ tối đa 82% quỹ tiền lương và các khoản có tính chất lương và tối thiểu 18% chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục (chi khác theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng). Định mức năm 2022 đề xuất tỷ lệ giữa tổng quỹ tiền lương, chi hoạt động thường xuyên đảm bảo theo nguyên tắc là tối đa 83% và tối thiểu 17% chi thường xuyên (chi khác theo lương cơ sở 1.490.000 đồng) trên những cơ sở như sau:*

- Với tỷ lệ tối đa 83% và tối thiểu 17% chi thường xuyên theo lương cơ sở 1.490.000 đồng của định mức năm 2022 đã đảm bảo mức tăng chung của sự nghiệp giáo dục: tăng khoảng 1,15 đối với sự nghiệp giáo dục cấp tỉnh (chưa bao gồm kinh



phí ngân sách tỉnh bố trí bổ sung thực hiện một số nhiệm vụ toàn ngành: mua sắm, sửa chữa, chi phục vụ các kỳ thi, các chương trình, đề án của ngành giáo dục, ...) và tăng 1,2 lần đối với sự nghiệp giáo dục cấp huyện so với định mức 82% quỹ tiền lương và thiếu 18% chi khác theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng.

- Việc quy định tỷ lệ chi khác 17% vừa đảm bảo có mức tăng hợp lý chi khác theo quỹ lương của các đơn vị, địa phương so với định mức 2017, vừa dành ra một khoản kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ toàn ngành giáo dục khác mà ngân sách Trung ương không hỗ trợ, theo nguyên tắc đã tính toán trong định mức, địa phương có trách nhiệm cân đối ngân sách để thực hiện, ngân sách Trung ương không hỗ trợ:

+ Đề án bảo đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2027-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Kinh phí thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, đề án, nhiệm vụ sự nghiệp giáo dục: Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh về phát triển Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và chính sách khen thưởng đối với học sinh đạt giải cao tại các kỳ thi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 106/2021/NQ-HĐND ngày 30/08/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2026; Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về thực hiện chế độ lương và hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các trường mầm non công lập tỉnh; ...

+ Hỗ trợ chi khác của chính sách học bổng cho học sinh dân tộc nội trú (phần kinh phí ngân sách Trung ương không hỗ trợ, địa phương đảm bảo trong định mức được phân bổ);

+ Vốn đối ứng các chương trình mục tiêu; các nhiệm vụ chi sự nghiệp giáo dục cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn toàn tỉnh phát sinh trong năm: Kế hoạch nâng cao trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên; đào tạo, tập huấn; ...

Quy định tỷ lệ trên đảm bảo đầy đủ tiền lương và các khoản có tính chất lương; tỷ lệ chi thường xuyên 17% là quy định tối thiểu, ngân sách tỉnh hỗ trợ tăng thêm kinh phí chi thường xuyên khi có điều kiện về ngân sách. Đảm bảo dự toán sự nghiệp giáo dục và đào tạo hàng năm bằng và cao hơn dự toán Trung ương giao.

b) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục cấp xã (bao gồm hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng và chế độ phụ cấp của cán bộ làm công tác quản lý Trung tâm học tập cộng đồng):

- Thành phố Đông Hà: 60 triệu đồng/xã, phường/năm.
- Các huyện còn lại: 50 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách được xác định trên cơ sở số đối tượng năm 2021 do địa phương báo cáo, số bố trí trong định mức của ngân sách Trung ương theo chế độ quy định, gồm: Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ; Chính sách về giáo dục đối với



người khuyết tật theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Người khuyết tật và các văn bản hướng dẫn; Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Hỗ trợ kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Chính sách học bổng đối với học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 35/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 về chế độ lương và hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các trường mầm non công lập; số 05/2019/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2019 về phát triển Trường trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và chính sách khen thưởng đối với học sinh đạt giải cao tại các kỳ thi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; số 106/2021/NQ-HĐND ngày 30/08/2021 về chính sách hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2026;

- Chi đối ứng các chương trình mục tiêu theo quy định của Trung ương; hỗ trợ thực hiện các chế độ chính sách, chương trình, đề án của tỉnh và các khoản chi phục vụ chung cho toàn ngành, các nhiệm vụ phát sinh trên địa bàn tỉnh theo khả năng của ngân sách hàng năm. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, HĐND tỉnh, UBND tỉnh thực hiện ưu tiên bố trí ngân sách hỗ trợ thêm hoạt động giảng dạy và học tập, chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên, tăng cường cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với khả năng ngân sách và điều kiện thực tế của địa phương.

## **2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề**

### **a) Cấp tỉnh:**

- Tiêu chí định mức phân bổ căn cứ vào số lượng học sinh, sinh viên hàng năm theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao cho từng hệ đào tạo (chỉ tiêu đào tạo do ngân sách nhà nước đảm bảo), cụ thể:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Định mức phân bổ</b>
- Hệ cao đẳng	3,5 triệu đồng/sinh viên/năm
- Hệ trung cấp	3 triệu đồng/sinh viên/năm

Định mức trên đã bao gồm chi phí phục vụ cho dạy và học. Trường hợp các cơ sở đào tạo và dạy nghề không tuyển sinh đủ chỉ tiêu theo kế hoạch được giao thì thực hiện việc điều chỉnh, thu hồi lại kinh phí đã phân bổ tương ứng với chỉ tiêu tuyển sinh không thực hiện.

- Đào tạo nghề; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; các nhiệm vụ đào tạo khác theo các chương trình, đề án, nhiệm vụ: Phân bổ kinh phí theo khả

năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương bổ sung hàng năm và lộ trình thực hiện của các chương trình, đề án, nhiệm vụ đã được duyệt.

b) Cấp huyện:

- Chi hoạt động bộ máy được áp dụng theo định mức quy định tại khoản 2 mục I Phần thứ hai (báo cáo thuyết minh này)

- Chi cho đào tạo và đào tạo lại:

Đơn vị tính: triệu đồng/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
Chi cho đào tạo và đào tạo lại	530	583	1,1

### III. Phân bổ dự toán chi các đơn vị sự nghiệp công lập

#### 1. Định mức phân bổ chi bộ máy đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh

- Định mức phân bổ chi bộ máy đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
- Dưới 10 biên chế	14	16,8	1,20
- Từ 10 đến dưới 20 biên chế	13,4	16,1	1,20
- Từ 20 đến dưới 30 biên chế	12,8	15,4	1,20
- Từ 30 biên chế	12,4	14,9	1,20

- Chi áp dụng trong thời gian định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) chưa được cấp thẩm quyền ban hành, các đơn vị sự nghiệp công chưa áp dụng cơ chế giá dịch vụ. Trên cơ sở lộ trình triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phân bổ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập khi giao quyền tự chủ và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

- Các đơn vị sự nghiệp ngành y tế thuộc hệ điều trị, các trường cao đẳng và trung cấp không áp dụng định mức phân bổ chi bộ máy theo quy định tại khoản này.

#### 2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao cấp tỉnh

a) Sự nghiệp y tế:

- Định mức phân bổ chi bộ máy đơn vị sự nghiệp y tế hệ dự phòng, hệ dân số cấp huyện được áp dụng theo định mức phân bổ tại khoản 1 (mục III này) và thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên nguyên tắc xác định tổng dự toán



thu, chi của đơn vị theo chế độ.

- Hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên:

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
- Trung tâm Quân dân y huyện đảo Côn Cỏ	10,0	13 triệu đồng /giường bệnh/năm	1,3
- Y tế tuyến xã: Hỗ trợ hoạt động cho trạm y tế, dân số xã (ngoài định mức phân bổ chi bộ máy theo biên chế)	30,0	40 triệu đồng /trạm y tế/năm	1,33

- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

+ Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

+ Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh: Phân bổ theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

+ Kinh phí thực hiện các chính sách y tế, dân số do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

- Kinh phí thực hiện các chương trình, đề án của tỉnh; đối ứng các chương trình mục tiêu theo quy định của Trung ương; các khoản chi phục vụ chung cho toàn ngành, tăng cường cơ sở vật chất theo khả năng của ngân sách hàng năm.

b) Sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao:

- Chi bộ máy của các đơn vị sự nghiệp được áp dụng theo định mức phân bổ tại khoản 1 mục II Phần thứ hai và thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu, chi của đơn vị theo chế độ.

- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

+ Chi thực hiện chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên trên cơ sở chính sách chế độ hiện hành.

+ Chi thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các chương trình, đề án của tỉnh; đối ứng các chương trình mục tiêu theo quy định của Trung ương; bố trí kinh phí tăng thêm tăng cường cơ sở vật chất theo khả năng ngân sách của ngân sách.

c) Quy định khác:

- Mức kinh phí ngân sách bố trí chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị trên cơ sở yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu của mình để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị có nguồn thu hạn chế, hoạt động chủ yếu bằng nguồn ngân sách nhà nước.

- Kinh phí hoạt động sự nghiệp được tính toán căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân

tính quyết định trong phương án phân bổ ngân sách tỉnh.

- Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị sự nghiệp mới hoặc mở rộng quy mô, hoạt động: Căn cứ Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở quy mô, khả năng thu, mức chi và nhiệm vụ cụ thể của đơn vị, các cơ quan liên quan sẽ thảo luận để xác định kinh phí tăng thêm trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Các sở chuyên ngành có trách nhiệm ban hành hệ thống định mức phân bổ chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc, đảm bảo phân bổ khớp đúng về tổng mức, phù hợp với đặc điểm thực tế và nguồn thu của các đơn vị trực thuộc, bảo đảm công khai, minh bạch và theo đúng các quy định của pháp luật.

### **3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao cấp huyện, cấp xã**

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên hoạt động bộ máy hành chính của các đơn vị hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình do cấp huyện quản lý áp dụng mức quy định tại khoản 2 mục I phần thứ hai. Riêng kinh phí hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin, sự nghiệp thể dục thể thao, sự nghiệp phát thanh truyền hình, dân số được phân bổ theo định mức sau:

a) Sự nghiệp văn hóa thông tin:

Đơn vị tính: triệu đồng/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
<b>* Cấp huyện:</b>			
- Phân bổ theo địa bàn hành chính			
+ Thành phố	375	488	1,3
+ Các huyện, thị xã	300	390	1,3
- Bổ sung cho đội thông tin lưu động			
+ Huyện miền núi	150	165	1,10
+ Huyện, thành phố, thị xã còn lại	93	102	1,10
<b>* Cấp xã:</b>			
- Xã, thị trấn	13,3	17,3	1,3
- Phường	16	20,8	1,3

- Hỗ trợ Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” (Bao gồm cả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”) theo quy định tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Trị.



## b) Sự nghiệp thể dục thể thao:

Đơn vị tính: triệu đồng/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
<b>* Cấp huyện:</b>			
- Huyện, thành phố, thị xã	200	260	1,3
- Huyện đảo Côn Cỏ	150	195	1,3
<b>* Cấp xã:</b>			
- Xã, thị trấn	10,6	13,8	1,3
- Phường	13,3	17,3	1,3

## c) Sự nghiệp phát thanh truyền hình:

**\* Cấp huyện:**

Đơn vị tính: triệu đồng/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
- Phân bổ theo đơn vị đài huyện			
+ Hướng Hóa, Đakrông	200	220	1,1
+ Huyện đảo Côn Cỏ	200	220	1,1
+ Thành phố, thị xã, các huyện còn lại	133	173	1,3
- Phân bổ theo trạm phát lại vùng cao, hải đảo	200	220	1,1

Đối với tiêu chí phân bổ theo đơn vị đài huyện: huyện Hướng Hóa, Đakrông, đảo Côn Cỏ định mức năm 2022 tăng 1,1 lần so với định mức năm 2017; đối với thị xã, thành phố và các huyện còn lại đề xuất tăng 1,3 lần so với định mức năm 2017 nhằm hỗ trợ thêm cho các huyện, thành phố, thị xã kinh phí thực hiện chế độ nhuận bút và thù lao theo Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về chế độ nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm báo chí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (định mức năm 2017 huyện Hướng Hóa, Đakrông, đảo Côn Cỏ cao 1,5 lần so với các địa bàn còn lại; định mức năm 2017 đã bao gồm hỗ trợ chế độ nhuận bút và thù lao theo Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh).

**\* Cấp xã:**

**Bổ sung tiêu chí mới** hỗ trợ các hoạt động truyền thanh và các hoạt động thông tin khác cấp xã: 10 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm

**d) Sự nghiệp y tế:**

- Hỗ trợ hoạt động dân số: 50 triệu đồng/huyện, thành phố, thị xã/năm (đề xuất duy trì mức hỗ trợ cho các huyện, thành phố, thị xã bằng định mức năm 2017).

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

**IV. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Căn cứ dự toán trung ương giao, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đảm bảo không thấp hơn dự toán trung ương giao cho địa phương hàng năm.

2. Hàng năm, căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương để phân bổ thêm kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

**V. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội****1. Cấp tỉnh**

- Chi bộ máy của các đơn vị thuộc sự nghiệp đảm bảo xã hội được áp dụng định mức quy định tại khoản 1 Mục 3 Phần thứ hai.

- Căn cứ vào các chế độ, chính sách, định mức của Trung ương, địa phương ban hành và khả năng của NSDP để cân đối đảm bảo chi sự nghiệp đảm bảo xã hội của ngành Lao động, Thương binh và Xã hội.

**2. Cấp huyện**

a) Định mức phân bổ chi cho các hoạt động đảm bảo xã hội cấp huyện:

Đơn vị tính: triệu đồng/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
- Chi hoạt động cứu trợ xã hội			
+ Huyện đảo Cồn Cỏ	100	130	1,3
+ Các huyện, thành phố, thị xã còn lại	400	520	1,3
- Chi hoạt động điều tra hộ nghèo, cung cầu lao động, ...:	100	110	1,1
- Chi chăm sóc các nghĩa trang liệt sỹ cấp huyện	30	39	1,3

- Định mức chi hoạt động cứu trợ xã hội trên đã bao gồm các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa; hỗ trợ cộng đồng dân cư khắc phục hậu quả thiên tai, cứu trợ xã hội.



- Định mức trên chưa bao gồm chi hỗ trợ cơ sở vật chất cho các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực đặc thù; chi hỗ trợ khắc phục thiên tai trên diện rộng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách huyện.

b) Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được xác định trên cơ sở số đối tượng năm 2021, số bố trí trong định mức của ngân sách Trung ương theo chế độ quy định và khả năng ngân sách địa phương, gồm:

- Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, mức hỗ trợ theo chế độ quy định.

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo chế độ quy định.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

### 3. Cấp xã

a) Định mức phân bổ chi cho các hoạt động đảm bảo xã hội cấp xã:

Đơn vị tính: triệu đồng/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
- Chi hoạt động cứu trợ xã hội	16	20,8	1,30
- Chi chăm sóc các nghĩa trang liệt sỹ xã, phường, thị trấn hàng năm	20	26,0	1,30

b) Định mức chi phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Kinh phí để thực hiện chế độ điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc trên cơ sở số lượng thực tế theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc bổ sung chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã; Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ xã, phường;

- Chi tặng quà, chúc thọ, mừng thọ đối với người cao tuổi trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 47/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

## VI. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh

### 1. Cấp tỉnh

Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ chi quốc phòng - an ninh của tỉnh, chế độ chính sách và khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ bố trí mức chi phù hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Phạm vi hỗ trợ cho lĩnh vực quốc phòng - an ninh theo quy định Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các

văn bản hướng dẫn thi hành. Bố trí kinh phí thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm cho các đơn vị Quân sự, Công an, Biên phòng.

## 2. Cấp huyện

### a) Chi quốc phòng:

Đơn vị tính: triệu đồng/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
- Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã, huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã:			
+ Xã, thị trấn	50	55	1,1
+ Phường	100	110	1,1
+ Huyện đảo Côn Cỏ	1.600	1.760	1,1
- Phân bổ theo tính chất đặc thù:			
+ Huyện có xã biên giới	50	65	1,3
+ Huyện, thị xã, thành phố có dưới 10 xã, phường, thị trấn	300	330	1,1
- Chi hoạt động của tiểu đội dân quân thường trực	800	880	1,1
- Chi hoạt động của trung đội dân quân biển	100	110	1,1

### b) Chi an ninh:

Đơn vị tính: triệu đồng/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
- Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã, huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã:			
+ Xã, thị trấn	24	26,4	1,1
+ Phường	90	99	1,1
+ Huyện đảo Côn Cỏ	600	660	1,1



- Phân bổ theo tính chất đặc thù:			
+ Huyện có xã biên giới	38	49	1,3
+ Huyện, thị xã, thành phố có dưới 10 xã, phường, thị trấn	100	110	1,1

### 3. Cấp xã

#### a) Chi quốc phòng:

Đơn vị tính: triệu đồng/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
- Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã:			
+ Xã, thị trấn	200	220	1,10
+ Phường	250	275	1,10
- Phân bổ theo tính chất đặc thù:			
+ Đối với các xã biên giới giáp Lào được phân bổ thêm	130	169	1,30

#### b) Chi an ninh:

Đơn vị tính: triệu đồng/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	4=3/2
- Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã:			
+ Xã, thị trấn	25	33	1,3
+ Phường	50	65	1,3
- Phân bổ theo tính chất đặc thù:			
+ Đối với các xã biên giới giáp Lào được phân bổ thêm	65	85	1,30
+ Riêng thành phố Đông Hà bổ sung thêm	400	400	1,00

Định mức chi trên bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Luật Dân quân tự vệ (không bao gồm chế độ phụ cấp theo Luật Dân quân tự vệ quy định tại điểm c, khoản 3, mục VI Phần thứ hai).

#### c) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đối với dân quân tự vệ cấp xã theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ và Nghị quyết số 108/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh.

- Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân về mức phụ cấp đối với lực lượng Bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn.

## **VII. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế**

### **1. Cấp tỉnh**

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu: Chi bộ máy của các đơn vị sự nghiệp kinh tế được áp dụng định mức tại khoản 1 mục III Phần thứ hai.

b) Sở Tài chính phối hợp các sở chủ quản căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh:

- Đối với các đơn vị thực hiện khoán khối lượng công việc: Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên được giao ổn định và xem xét điều chỉnh bổ sung trong các trường hợp được cấp có thẩm quyền giao tăng nhiệm vụ.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp khác: Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên được xác định trên cơ sở nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

c) Kinh phí hỗ trợ sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ; Hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP: bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm bằng dự toán trung ương giao cho địa phương.

d) Kinh phí đối ứng các chương trình mục tiêu theo quy định của Trung ương; thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; các chương trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, các nhiệm vụ khuyến công, xúc tiến đầu tư, xúc tiến du lịch và các nhiệm vụ khác: Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương để bố trí trong phương án phân bổ ngân sách hàng năm.

### **2. Cấp huyện**

a) Định mức chi hoạt động sự nghiệp kinh tế năm 2022 tăng 10% so kinh phí hoạt động sự nghiệp kinh tế bố trí trong dự toán năm 2021. Định mức đã bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định hiện hành (đã bao gồm hỗ trợ kinh phí lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước)<sup>2</sup>.

<sup>2</sup> Riêng đối với huyện đảo Cồn Cỏ: Định mức SNKT năm 2022 đã bao gồm kinh phí hỗ trợ tiền dầu tàu, lên đà bảo dưỡng tàu hàng năm, ... và các nhiệm vụ chi đặc thù của huyện đảo.



Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ dự toán Trung ương giao, khả năng cân đối của ngân sách địa phương, dự toán chi thực tế của các địa phương, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện cụ thể, đặc thù của từng vùng, địa phương; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tăng mức chi hỗ trợ thêm cho các huyện, thành phố, thị xã trong phân bổ dự toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm.

b) Ngoài ra, phân bổ thêm căn cứ trên tiêu chí đô thị như sau:

+ Đô thị loại III: 1.500 triệu đồng/đô thị.

+ Đô thị loại IV: 800 triệu đồng/đô thị.

+ Đô thị loại V: 500 triệu đồng/đô thị.

### 3. Cấp xã

Hỗ trợ kinh phí hoạt động sự nghiệp kinh tế:

Đơn vị tính: triệu đồng/năm

Chỉ tiêu	Định mức năm 2017	Định mức năm 2022	Mức tăng định mức 2022/2017 (lần)
1	2	3	$4=3/2$
Xã, thị trấn	33	36,3	1,1
Phường	47	51,7	1,1

### VIII. Định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường

Căn cứ dự toán Chính phủ, Bộ Tài chính giao hàng năm; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định không thấp hơn định mức Trung ương giao, bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định hiện hành. Sở Tài chính phối hợp các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hàng năm. Trong đó:

Hỗ trợ chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, phường, thị trấn: 20 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

### IX. Định mức phân bổ chi khác

1. Phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách cấp tỉnh căn cứ khả năng ngân sách cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Các cấp ngân sách địa phương: Phân bổ theo tỷ trọng bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo mức phân bổ dự toán ngân sách (theo định mức phân bổ từ mục I đến mục VIII Phần thứ hai).

### X. Dự phòng ngân sách

1. Dự phòng ngân sách địa phương tối thiểu không thấp hơn dự toán Trung ương giao hàng năm.

2. Dự phòng ngân sách của từng huyện, thành phố, thị xã làm cơ sở tính định mức là 2% tổng chi ngân sách huyện.

3. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, các huyện, thành phố, thị xã chủ động bố trí dự phòng ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (tỷ lệ dự phòng ngân sách các cấp từ 2-4% tổng chi ngân sách).

#### **XI. Một số quy định khác**

1. Khi các văn bản quy định về các chế độ, chính sách để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Phân bổ dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố, thị xã:

- Các chính sách, chế độ do Trung ương và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chưa được dự toán trong định mức ban hành theo Nghị quyết này. Các nhiệm vụ chi do Trung ương quy định, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu vốn sự nghiệp do ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

- Căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, khả năng cân đối của ngân sách tỉnh và từng huyện, thành phố, thị xã hằng năm. Ngân sách tỉnh sẽ xem xét hỗ trợ thêm kinh phí cho các huyện, thành phố, thị xã để thực hiện một số nhiệm vụ (hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; tăng cường cơ sở vật chất của các ngành, lĩnh vực; chỉnh trang đô thị; hỗ trợ khác) theo khả năng của ngân sách tỉnh để giảm bớt khó khăn cho các huyện, thành phố, thị xã.

3. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định, nếu có biến động về khả năng đảm bảo cân đối ngân sách và các chế độ quy định có liên quan làm ảnh hưởng đến việc thực hiện định mức, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung định mức phân bổ dự toán ngân sách cho phù hợp./.

---



Số: /2021/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét Tờ trình số .... /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về dự thảo Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra số .... /BC-KTNS ngày ... tháng ... năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày ngày ... tháng ... năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMT TQVN tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan Trương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công báo, Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Trị;
- Công TTĐT HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Đăng Quang**



DỰ THẢO

**QUY ĐỊNH**

**Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số .../2021/NQ-HĐND ngày ...tháng ... năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị dự toán cấp tỉnh.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.

**Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương**

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên quy định tại Quy định này là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của từng cơ quan, đơn vị; dự toán chi ngân sách của các huyện, thành phố, thị xã (bao gồm cấp huyện và cấp xã).

2. Phù hợp với phân cấp quản lý ngân sách, khả năng cân đối ngân sách năm 2022 và cả giai đoạn ổn định mới; đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách hiện hành. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính; từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại thu, chi ngân sách, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và nhiệm vụ chính trị của từng sở, ban, ngành và địa phương.

3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do trung ương và tỉnh ban hành đến thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết này. Đảm bảo chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ với mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng. Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước. Ngân sách tỉnh hỗ trợ đối với các địa phương sau khi đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương theo quy định để thực hiện mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện. Trường hợp địa phương bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, thì địa phương phải chủ động sử dụng dự toán ngân sách địa



phương, bao gồm cả dự phòng... theo quy định, để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ cho ngân sách địa phương.

4. Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương làm cơ sở phân bổ dự toán cho các cơ quan, đơn vị và huyện, thành phố, thị xã được xác định trên cơ sở biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ) tại thời điểm xây dựng dự toán. Định mức phân bổ trên theo quỹ tiền lương không gồm trợ cấp lần đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Định mức phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên (chi khác) tính theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao không bao gồm quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương. Chỉ xây dựng định mức chi khác (chi hoạt động có tính chất thường xuyên) của một biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho từng loại hình cơ quan, đơn vị (biên chế quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể; biên chế sự nghiệp và hội đặc thù; lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ).

6. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025 chưa tính trừ nguồn thực hiện cải cách tiền lương của các cấp ngân sách, các đơn vị theo quy định (bao gồm cả nguồn cải cách tiền lương còn dư của các năm trước). Các năm trong thời kỳ ổn định, nếu có phát sinh tăng, giảm nhiệm vụ thì ngân sách tỉnh bổ sung hoặc thu hồi kinh phí đã bố trí theo định mức ban hành.

#### 7. Đối với các lĩnh vực sự nghiệp:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Trong đó:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ, trừ kinh phí nhà nước đặt hàng, đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ theo quy định. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Thực hiện khoán chi ngân sách hỗ trợ giai đoạn 2022-2025 và yêu cầu giảm tối thiểu 15% so với giai đoạn 2017-



2021. Đồng thời, yêu cầu dành nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương, ngân sách chỉ hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tối đa theo tỷ lệ ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập còn lại do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán thường xuyên. Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2017-2021 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm; đồng thời, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

- Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công; dành kinh phí để tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm sửa chữa và tăng chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại các lĩnh vực chi thường xuyên và từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước.

8. Tiêu chí phân bổ định mức rõ ràng, đơn giản, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, cải tiến và bổ sung, điều chỉnh tiêu chí ở một số lĩnh vực chi phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách. Đảm bảo các chỉ tiêu pháp lệnh Trung ương giao cho địa phương hàng năm như chi sự nghiệp giáo dục đào tạo, sự nghiệp môi trường, sự nghiệp khoa học.

### **Điều 3. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể**

#### **1. Cấp tỉnh**

a) Định mức chi khác tính theo biên chế được giao:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Định mức phân bổ</b>
- Dưới 10 biên chế	22,8 triệu đồng/biên chế/năm
- Từ 10 đến dưới 20 biên chế	22 triệu đồng/biên chế/năm
- Từ 20 đến dưới 30 biên chế	21,2 triệu đồng/biên chế/năm
- Từ 30 biên chế	20,6 triệu đồng/biên chế/năm

- Định mức phân bổ đã bao gồm:

+ Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan (đã bao gồm chi khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan).

+ Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm (đã bao gồm chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý của ngành, lĩnh vực; chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động kiểm tra, giám sát).



+ Kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; sửa chữa thường xuyên tài sản.

- Định mức phân bổ không bao gồm:

+ Chi thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn đặc thù của từng ngành, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo cấp tỉnh; chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

+ Chi thuê trụ sở; chi sửa chữa lớn; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động chung theo quy định.

b) Đối với chi đảm bảo hoạt động của cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh: Dự toán chi ngân sách được tính toán trên cơ sở cơ sở định mức; chế độ, tiêu chuẩn và các nhiệm vụ chi đặc thù của các cơ quan này.

c) Các tổ chức chính trị - xã hội: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được áp dụng định mức phân bổ trên, trên cơ sở biên chế hiện có và các nhiệm vụ chi đặc thù của các cơ quan này để tính toán phân bổ dự toán ngân sách.

d) Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Các Hội đặc thù được Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế được hỗ trợ định mức chi khác tối đa bằng định mức chi của đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên theo số biên chế có mặt. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ từng năm phù hợp với khả năng ngân sách.

đ) Kinh phí thực hiện các chính sách, đề án của tỉnh; kinh phí tăng cường cơ sở vật chất; kinh phí hỗ trợ theo nhiệm vụ cho các cơ quan làm công tác tổng hợp; kinh phí đảm bảo các nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác bố trí theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

## 2. Cấp huyện

a) Định mức chi khác tính theo biên chế được giao:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Các huyện đồng bằng	14,4 triệu đồng/biên chế/năm
- Huyện Đakrông	16,8 triệu đồng/biên chế/năm
- Huyện Hướng Hóa	17,3 triệu đồng/biên chế/năm
- Huyện đảo Côn Cỏ	24 triệu đồng/biên chế/năm

Định mức phân bổ không bao gồm các khoản chi đặc thù theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

b) Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng biên chế ít (từ 03 người trở xuống) thì định mức phân bổ được tính thêm 04 triệu đồng/biên chế/năm.

## 3. Cấp xã



a) Định mức chi khác tính theo số lượng biên chế cán bộ, công chức cấp xã được giao: 10,4 triệu đồng/biên chế/năm.

b) Hỗ trợ kinh phí đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố: thực hiện theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

c) Hỗ trợ kinh phí hoạt động:

- Kinh phí hoạt động Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" theo quy định tại Nghị quyết số 41/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Kinh phí hoạt động Ban thanh tra nhân dân cấp xã: 05 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

- Kinh phí giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã: 10 triệu đồng/xã, phường, thị trấn. Tùy theo kế hoạch hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng hàng năm, các huyện, thành phố, thị xã và xã, phường, thị trấn quyết định tăng mức hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

4. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

a) Ngoài định mức trên, các huyện, thành phố, thị xã được hỗ trợ thêm kinh phí chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể (đã bao gồm kinh phí hoạt động cấp ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các cấp theo nhiệm kỳ):

- Cấp huyện:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Thành phố	5.500 triệu đồng/năm
- Huyện Đakrông, Hướng Hóa	4.100 triệu đồng/năm
- Huyện đảo	2.400 triệu đồng/năm
- Thị xã, huyện còn lại	3.900 triệu đồng/năm

- Cấp xã:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Chi hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã	8,5 triệu đồng/đại biểu/năm
- Kinh phí hoạt động cấp ủy, Ủy ban nhân dân và chi quản lý hành chính cấp xã	
+ Thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị	180 triệu đồng/phường, xã/năm
+ Huyện Đakrông, Hướng Hóa	132 triệu đồng/xã, thị trấn/năm
+ Các huyện còn lại	120 triệu đồng/xã, thị trấn/năm

\* Định mức phân bổ trên đã bao gồm:

- Chi hoạt động của cấp ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã theo nhiệm kỳ.

- Kinh phí thực hiện chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp theo Nghị quyết 02/2017/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Chi thực hiện một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của huyện ủy, thành ủy, thị ủy theo Quy định số 38-QĐi/TU ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Tỉnh ủy Quảng Trị.

- Hỗ trợ chế độ thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện theo quy định.

- Hỗ trợ chi công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

- Kinh phí cộng tác viên dư luận xã hội theo HD 167-HD/BTGTW ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Chi hỗ trợ sinh hoạt phí đối với Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp theo Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chi cho các nội dung đặc thù của cấp huyện, cấp xã và kinh phí thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến quản lý hành chính theo quy định hiện hành.

**\* Định mức phân bổ trên không bao gồm:**

- Hỗ trợ kinh phí thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các Hội có tính chất đặc thù được cấp có thẩm quyền công nhận.

- Hoạt động phí hàng tháng cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 Ngày 13 ngày 5 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII.

- Chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương.

- Chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với báo cáo viên theo Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW-BTGTW ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Ban Tổ chức Trung ương và Tuyên giáo Trung ương.

- Chế độ thù lao trách nhiệm tính theo nghề hàng tháng đối với một số chức danh theo Quy định số 33-QĐi/TU ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tỉnh ủy Quảng Trị về một số chế độ chi công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

- Chi bồi dưỡng cán bộ rà soát thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 07 năm 2017.

- Chi hỗ trợ hoạt động tiếp công dân theo Nghị quyết số 33/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 110/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 33/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2018.



b) Bổ sung thêm cho các huyện, thành phố, thị xã một phần để đảm bảo kinh phí hoạt động theo số lượng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn, cụ thể:

- Số đơn vị hành chính cấp xã dưới 8: 300 triệu đồng/năm.
- Số đơn vị hành chính cấp xã từ 8-15: 450 triệu đồng/năm.
- Số đơn vị hành chính cấp xã trên 15: 665 triệu đồng/năm.

#### **Điều 4. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo**

1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

a) Định mức chi thường xuyên (chi khác):

Căn cứ vào số biên chế được giao; phân bổ theo tỷ lệ giữa tổng quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương và chi khác để đảm bảo các hoạt động thường xuyên, cụ thể:

- Định mức phân bổ theo tỷ lệ giữa tổng quỹ tiền lương, chi hoạt động thường xuyên đảm bảo theo nguyên tắc: tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 83% và tối thiểu 17% chi thường xuyên (chi khác) để chi hoạt động có tính chất thường xuyên cho công tác giảng dạy, học tập và các khoản chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên (chi khác theo lương cơ sở 1.490.000 đồng).

- Định mức chi khác gồm các nội dung chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành giáo dục; chi hỗ trợ các trường đạt chuẩn quốc gia, chi duy trì công tác phổ cập giáo dục các cấp, chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực của ngành, các khoản chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên.

b) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục cấp xã (bao gồm hoạt động của Trung tâm hoạt động cộng đồng và chế độ phụ cấp của cán bộ làm công tác quản lý Trung tâm học tập cộng đồng):

- Thành phố Đông Hà: 60 triệu đồng/phường/năm.
- Huyện, thị xã còn lại: 50 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách được xác định trên cơ sở số đối tượng năm 2021 do địa phương báo cáo, số bố trí trong định mức của ngân sách trung ương theo chế độ quy định, bao gồm:

+ Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

+ Chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Người khuyết tật và các văn bản hướng dẫn.

+ Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Hỗ trợ kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo



dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

+ Chính sách học bổng đối với học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 35/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 về chế độ lương và hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các trường mầm non công lập; số 05/2019/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2019 về phát triển Trường trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và chính sách khen thưởng đối với học sinh đạt giải cao tại các kỳ thi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; số 106/2021/NQ-HĐND ngày 30/08/2021 về chính sách hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2026.

- Chi đối ứng các chương trình mục tiêu theo quy định của Trung ương; hỗ trợ thực hiện các chế độ chính sách, chương trình, đề án của tỉnh; các khoản chi phục vụ chung cho toàn ngành, các nhiệm vụ phát sinh trên địa bàn tỉnh theo khả năng của ngân sách hàng năm.

d) Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện ưu tiên bố trí ngân sách hỗ trợ thêm hoạt động giảng dạy và học tập, chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên, tăng cường cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với khả năng ngân sách và điều kiện thực tế của địa phương.

## 2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

### a) Cấp tỉnh:

- Tiêu chí định mức phân bổ căn cứ vào số lượng học sinh, sinh viên hàng năm theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao cho từng hệ đào tạo (chỉ tiêu đào tạo do ngân sách nhà nước đảm bảo), cụ thể:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Hệ cao đẳng	3,5 triệu đồng/sinh viên/năm
- Hệ trung cấp	3 triệu đồng/sinh viên/năm

Định mức trên đã bao gồm chi phí phục vụ cho dạy và học. Trường hợp các cơ sở đào tạo và dạy nghề không tuyển sinh đủ chỉ tiêu theo kế hoạch được giao thì thực hiện việc điều chỉnh, thu hồi lại kinh phí đã phân bổ tương ứng với chỉ tiêu tuyển sinh không thực hiện.

- Đào tạo nghề; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; các nhiệm vụ đào tạo khác theo các chương trình, đề án, nhiệm vụ: Phân bổ kinh phí theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương bổ sung hàng năm và lộ trình thực hiện của các chương trình, đề án, nhiệm vụ đã được duyệt.

### b) Cấp huyện:



- Chi hoạt động bộ máy được áp dụng theo định mức quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

- Chi cho đào tạo và đào tạo lại: 583 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố.

### **Điều 5. Phân bổ dự toán chi các đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Định mức phân bổ chi bộ máy đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh

- Định mức phân bổ chi bộ máy tính theo biên chế được giao:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Định mức phân bổ</b>
- Dưới 10 biên chế	16,8 triệu đồng/biên chế/năm
- Từ 10 đến dưới 20 biên chế	16,1 triệu đồng/biên chế/năm
- Từ 20 đến dưới 30 biên chế	15,4 triệu đồng/biên chế/năm
- Từ 30 biên chế	14,9 triệu đồng/biên chế/năm

- Chỉ áp dụng trong thời gian định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) chưa được cấp thẩm quyền ban hành, các đơn vị sự nghiệp công lập chưa áp dụng cơ chế giá dịch vụ. Trên cơ sở lộ trình triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phân bổ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập khi giao quyền tự chủ và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

- Các đơn vị sự nghiệp ngành y tế thuộc hệ điều trị, các trường cao đẳng và trung cấp không áp dụng định mức phân bổ chi bộ máy theo quy định tại khoản này.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao cấp tỉnh

a) Sự nghiệp y tế:

- Định mức phân bổ chi bộ máy đơn vị sự nghiệp y tế hệ dự phòng, hệ dân số cấp huyện được áp dụng theo định mức phân bổ tại khoản 1 Điều 5 Quy định này và thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu, chi của đơn vị theo chế độ.

- Hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Định mức phân bổ</b>
- Trung tâm Quân dân y huyện đảo Côn Cỏ	13 triệu đồng/giường bệnh/năm
- Y tế tuyến xã: Hỗ trợ hoạt động cho trạm y tế, dân số xã (ngoài định mức phân bổ chi bộ máy theo biên chế)	40 triệu đồng/trạm y tế/năm

- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

+ Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

+ Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh: Phân bổ theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

+ Kinh phí thực hiện các chính sách y tế, dân số do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

- Kinh phí thực hiện các chương trình, đề án của tỉnh; đối ứng các chương trình mục tiêu theo quy định của Trung ương; các khoản chi phục vụ chung cho toàn ngành, tăng cường cơ sở vật chất theo khả năng của ngân sách hàng năm.

b) Sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao:

- Chi bộ máy của các đơn vị sự nghiệp được áp dụng theo định mức phân bổ tại khoản 1 Điều 5 Quy định này và thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu, chi của đơn vị theo chế độ.

- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

+ Chi thực hiện chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên trên cơ sở chính sách chế độ hiện hành.

+ Chi thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các chương trình, đề án của tỉnh; đối ứng các chương trình mục tiêu theo quy định của Trung ương; bố trí kinh phí tăng thêm tăng cường cơ sở vật chất theo khả năng của ngân sách.

c) Quy định khác:

- Mức kinh phí ngân sách bố trí chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị trên cơ sở yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu của mình để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị có nguồn thu hạn chế, hoạt động chủ yếu bằng nguồn ngân sách nhà nước.

- Kinh phí hoạt động sự nghiệp được tính toán căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách tỉnh.

- Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị sự nghiệp mới hoặc mở rộng quy mô, hoạt động: Căn cứ đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở quy mô, khả năng thu, mức chi và nhiệm vụ cụ thể của đơn vị, các cơ quan liên quan sẽ thảo luận để xác định kinh phí tăng thêm trình UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Các sở chuyên ngành có trách nhiệm phân bổ ngân sách cho các đơn vị trực thuộc, đảm bảo phân bổ khớp đúng về tổng mức, phù hợp với đặc điểm thực tế và nguồn thu của các đơn vị trực thuộc, bảo đảm công khai, minh bạch và theo đúng các quy định của pháp luật.

### **3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số, văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao cấp huyện, cấp xã**

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên hoạt động bộ máy hành chính của các đơn vị văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình do cấp huyện quản lý áp dụng định mức quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này. Riêng kinh phí hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin, sự nghiệp thể dục thể thao, sự nghiệp phát thanh truyền hình, dân số được phân bổ theo định mức



sau:

## a) Sự nghiệp văn hóa thông tin:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
<b>* Cấp huyện:</b>	
- Phân bổ theo địa bàn hành chính	
+ Thành phố	488 triệu đồng/thành phố/năm
+ Huyện, thị xã	390 triệu đồng/huyện, thị xã/năm
- Bổ sung cho đội thông tin lưu động	
+ Huyện miền núi	165 triệu đồng/đội thông tin lưu động
+ Huyện, thành phố, thị xã còn lại	102 triệu đồng/đội thông tin lưu động
<b>* Cấp xã:</b>	
- Xã, thị trấn	17,3 triệu đồng/xã, thị trấn/năm
- Phường	20,8 triệu đồng/phường/năm
- Hỗ trợ Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”:	(bao gồm cả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”)
+ Khu dân cư có quy mô dân số dưới 700 hộ dân	05 triệu đồng/năm/khu dân cư
Quy mô dân số cứ tăng thêm 200 hộ dân thì được hỗ trợ thêm	01 triệu đồng/năm/khu dân cư
+ Khu dân cư của các xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ có quy mô dân số dưới 700 hộ dân	06 triệu đồng/năm/khu dân cư
Quy mô dân số cứ tăng thêm 200 hộ dân thì được hỗ trợ thêm	01 triệu đồng/năm/khu dân cư

## b) Sự nghiệp thể dục thể thao:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
<b>* Cấp huyện:</b>	
- Huyện, thành phố, thị xã	260 triệu đồng/huyện, thành phố, thị xã/năm
- Huyện đảo Côn Cỏ	195 triệu đồng/huyện đảo/năm
<b>* Cấp xã:</b>	
- Xã, thị trấn	13,8 triệu đồng/xã, thị trấn/năm
- Phường	17,3 triệu đồng/phường/năm

## c) Sự nghiệp phát thanh truyền hình:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
<b>* Cấp huyện:</b>	
- Phân bổ theo đơn vị đài huyện	

+ Hướng Hóa, Đakrông	220 triệu đồng/huyện/năm
+ Huyện đảo Côn Cỏ	220 triệu đồng/huyện/năm
+ Thành phố, thị xã, các huyện còn lại	173 triệu đồng/huyện/năm
- Phân bổ theo trạm phát lại vùng cao, hải đảo	220 triệu đồng/trạm/năm
<b>* Cấp xã:</b>	
- Hỗ trợ các hoạt động truyền thanh và các hoạt động thông tin khác cấp xã	10 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm

d) Sự nghiệp y tế:

- Hỗ trợ hoạt động dân số: 50 triệu đồng/huyện, thành phố, thị xã/năm.

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

**Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Căn cứ dự toán trung ương giao, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đảm bảo không thấp hơn dự toán trung ương giao cho địa phương hàng năm.

2. Hàng năm, căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương để phân bổ kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

**Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội**

**1. Cấp tỉnh**

- Chi bộ máy của các đơn vị thuộc sự nghiệp đảm bảo xã hội được áp dụng định mức quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

- Căn cứ vào các chế độ, chính sách, định mức của Trung ương, địa phương ban hành và khả năng của ngân sách địa phương để cân đối đảm bảo chi sự nghiệp đảm bảo xã hội của ngành Lao động, Thương binh và Xã hội.

**2. Cấp huyện**

a) Định mức phân bổ chi cho các hoạt động đảm bảo xã hội cấp huyện:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Chi hoạt động cứu trợ xã hội	
+ Huyện đảo Côn Cỏ	130 triệu đồng/năm
+ Các huyện, thành phố, thị xã còn lại	520 triệu đồng/huyện/năm
- Chi hoạt động điều tra (đã bao gồm điều tra hộ nghèo, cung cầu lao động)	110 triệu đồng/huyện/năm
- Chi chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ cấp huyện	39 triệu đồng/nghĩa trang liệt sỹ

- Định mức chi hoạt động cứu trợ xã hội trên đã bao gồm các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa; hỗ trợ cộng đồng dân cư khắc phục hậu quả thiên tai, cứu trợ xã hội.



- Định mức trên chưa bao gồm chi hỗ trợ cơ sở vật chất cho các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực đặc thù; chi hỗ trợ khắc phục thiên tai trên diện rộng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách huyện.

b) Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được xác định trên cơ sở số đối tượng năm 2021, số bố trí trong định mức của ngân sách trung ương theo chế độ quy định và khả năng ngân sách địa phương, gồm:

- Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (mức hỗ trợ theo chế độ quy định).

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội theo Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

### 3. Cấp xã

a) Định mức phân bổ chi cho các hoạt động đảm bảo xã hội cấp xã:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Chi hoạt động cứu trợ xã hội	20,8 triệu đồng/xã/năm
- Chi chăm sóc các nghĩa trang liệt sỹ xã, phường, thị trấn	26 triệu đồng/nghĩa trang liệt sỹ

b) Định mức chi phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Kinh phí để thực hiện chế độ điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc trên cơ sở số lượng thực tế theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc bổ sung chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã; Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ xã, phường.

- Chi tặng quà, chúc thọ, mừng thọ đối với người cao tuổi trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 47/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

## Điều 8. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh

### 1. Cấp tỉnh

Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ chi quốc phòng, an ninh của tỉnh, chế độ chính sách và khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí mức chi phù hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Phạm vi hỗ trợ cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh theo quy định Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bố trí kinh phí thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm cho các đơn vị Quân sự, Công an, Biên phòng.

### 2. Cấp huyện

## a) Chi quốc phòng:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã, huyện đảo không có xã:	
+ Xã, thị trấn	55 triệu đồng/xã, thị trấn/năm
+ Phường	110 triệu đồng/phường
+ Huyện đảo Côn Cỏ	1.760 triệu đồng/huyện đảo/năm
- Phân bổ theo tính chất đặc thù:	
+ Huyện có xã biên giới	65 triệu đồng/xã biên giới/năm
+ Huyện, thị xã, thành phố có dưới 10 xã, phường, thị trấn	330 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố
- Chi hoạt động của tiểu đội dân quân thường trực	880 triệu đồng/tiểu đội
- Chi hoạt động của trung đội dân quân biển	110 triệu đồng/trung đội

## b) Chi an ninh:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã, huyện đảo không có xã:	
+ Xã, thị trấn	26,4 triệu đồng/xã, thị trấn/năm
+ Phường	99 triệu đồng/phường/năm
+ Huyện đảo Côn Cỏ	660 triệu đồng/huyện đảo/năm
- Phân bổ theo tính chất đặc thù:	
+ Huyện có xã biên giới	49 triệu đồng/xã biên giới/năm
+ Huyện, thị xã, thành phố có dưới 10 xã, phường, thị trấn	110 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố.

## 3. Cấp xã

## a) Chi quốc phòng:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã:	
+ Xã, thị trấn	220 triệu đồng/xã, thị trấn/năm
+ Phường	275 triệu đồng/phường
- Phân bổ theo tính chất đặc thù:	
+ Đối với các xã biên giới giáp Lào được phân bổ thêm	169 triệu đồng/xã biên giới/năm

## b) Chi an ninh:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã:	



+ Xã, thị trấn	33 triệu đồng/xã, thị trấn/năm
+ Phường	65 triệu đồng/phường/năm
- Phân bổ theo tính chất đặc thù:	
+ Đối với các xã biên giới giáp Lào được phân bổ thêm	85 triệu đồng/xã biên giới/năm
+ Riêng thành phố Đông Hà bổ sung thêm	400 triệu đồng/năm

Định mức chi trên bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Luật Dân quân tự vệ (không bao gồm chế độ phụ cấp theo Luật Dân quân tự vệ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Quy định này).

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đối với dân quân tự vệ cấp xã theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ và Nghị quyết số 108/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh.

- Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân về mức phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn.

**Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế**

**1. Cấp tỉnh**

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu: Chi bộ máy của các đơn vị sự nghiệp kinh tế được áp dụng định mức tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

b) Sở Tài chính phối hợp các sở chủ quản căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh:

- Đối với các đơn vị thực hiện khoán khối lượng công việc: Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên được giao ổn định và xem xét điều chỉnh bổ sung trong các trường hợp được cấp có thẩm quyền giao tăng nhiệm vụ.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp khác: Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên được xác định trên cơ sở nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

c) Kinh phí hỗ trợ sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ; Hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm bằng dự toán trung ương giao cho địa phương.

d) Kinh phí đối ứng các chương trình mục tiêu theo quy định của Trung ương; thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; các chương trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, các nhiệm vụ khuyến công, xúc tiến đầu tư, xúc tiến du lịch và các nhiệm vụ khác: Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương để bố trí trong phương án phân bổ ngân sách hàng năm.

## **2. Cấp huyện**

a) Định mức chi hoạt động sự nghiệp kinh tế năm 2022 tăng 10% so kinh phí hoạt động sự nghiệp kinh tế bố trí trong dự toán năm 2021. Định mức đã bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định hiện hành (đã bao gồm hỗ trợ kinh phí lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước).

Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ dự toán Trung ương giao, khả năng cân đối của ngân sách địa phương, dự toán chi của các địa phương, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện cụ thể, đặc thù của từng huyện, thành phố, thị xã; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tăng mức chi hỗ trợ thêm cho địa phương trong phương án phân bổ dự toán ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm.

b) Ngoài ra, phân bổ thêm căn cứ trên tiêu chí đô thị như sau:

+ Đô thị loại III: 1.500 triệu đồng/đô thị.

+ Đô thị loại IV: 800 triệu đồng/đô thị.

+ Đô thị loại IV: 500 triệu đồng/đô thị.

## **3. Cấp xã**

Hỗ trợ kinh phí hoạt động sự nghiệp kinh tế:

- Xã, thị trấn: 36,3 triệu đồng/xã, thị trấn/năm.

- Phường: 51,7 triệu đồng/phường/năm.

## **Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**

Căn cứ dự toán Trung ương giao hàng năm; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định không thấp hơn định mức Trung ương giao, bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định hiện hành. Sở Tài chính phối hợp các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hàng năm. Trong đó: Hỗ trợ chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, phường, thị trấn: 20 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

## **Điều 11. Định mức phân bổ chi khác**

1. Phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách cấp tỉnh căn cứ khả năng ngân sách cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.



2. Các cấp ngân sách địa phương: Phân bổ theo tỷ trọng bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo mức phân bổ dự toán ngân sách (theo định mức phân bổ từ Điều 3 đến Điều 10 của Quy định này).

### **Điều 12. Dự phòng ngân sách**

1. Dự phòng ngân sách địa phương tối thiểu không thấp hơn dự toán Trung ương giao hàng năm.

2. Dự phòng ngân sách của từng huyện, thành phố, thị xã làm cơ sở tính định mức là 2% tổng chi ngân sách huyện.

3. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, các huyện, thành phố, thị xã chủ động bố trí dự phòng ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (tỷ lệ dự phòng ngân sách các cấp từ 2-4% tổng chi ngân sách).

### **Điều 13. Một số quy định khác**

1. Khi các văn bản quy định về các chế độ, chính sách áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Phân bổ dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố, thị xã:

- Các chính sách, chế độ do Trung ương và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chưa được dự toán trong định mức ban hành theo Nghị quyết này. Các nhiệm vụ chi do Trung ương quy định, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu vốn sự nghiệp do ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

- Căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, khả năng cân đối của ngân sách tỉnh và từng huyện, thành phố, thị xã hàng năm. Ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm kinh phí cho các huyện, thành phố, thị xã để thực hiện một số nhiệm vụ (hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; tăng cường cơ sở vật chất của các ngành, lĩnh vực; chỉnh trang đô thị; hỗ trợ khác) theo khả năng của ngân sách tỉnh để giảm bớt khó khăn cho các huyện, thành phố, thị xã.

3. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định, nếu có biến động về khả năng đảm bảo cân đối ngân sách và các chế độ quy định có liên quan làm ảnh hưởng đến việc thực hiện định mức, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung định mức phân bổ dự toán ngân sách cho phù hợp./.